

## Lê-Thần Trần Trọng Kim

Trần Trọng Kim (1883-1953) bút hiệu Lê-Thần, người làng Kiều-Lĩnh, xã Đan-Phổ, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh. Ông sinh ra vào buổi giao thời như các nhà văn kể trên. Gia đình ông có truyền thống khoa cử, nên năm sáu tuổi ông đã học chữ Nho, sau theo học chữ Pháp ở trường Nam-Định (1897-1899), rồi vào học Trường Thông-ngôn Hà-Nội (Collège des Interprètes au Tonkin). Trường này được thành lập từ năm 1886, tám phần mười số thông-ngôn được đào tạo ra làm việc cho các văn phòng thống-sứ và công-sứ. Trường có chủ đích đào tạo những người có văn học chữ không phải chỉ thuần túy là thông-ngôn. Lúc bấy giờ, công việc đòi hỏi người thông-ngôn cần biết cả ba thứ chữ: chữ Nho, chữ Pháp và quốc-ngữ để có thể dịch các văn bản chữ Nho sang chữ Pháp và quốc-ngữ.

Năm 1903, ông tốt nghiệp và được bổ đi tỉnh lỵ Ninh-Bình.

Năm 1906, Trần Trọng Kim cùng Nguyễn Văn Vĩnh sang dự hội chợ Exposition coloniale de Marseille ở Pháp. Hội chợ này có mục đích giới thiệu về những sản phẩm, địa lý và mỹ thuật tại các thuộc địa của Pháp để cho công chúng Âu-châu biết đến. Ông Vĩnh xem xét nghề in và làm báo rồi trở về nước. Trần Trọng Kim xin vào học trường tư ở Bourg-Saint-Andéol, phủ Audèche, về sau lên Lyon học. Năm 1908, nhờ xin được học bổng, ông làm lưu học sinh ở Trường Thuộc-địa rồi vào học ở Trường Tiểu-học sư-phạm (Ecole Normale des Instituteurs) ở Melun. Năm 1911, toàn-quyền Klobukowsky đến Đông-Dương nhậm chức và bỏ học bổng này nên ông phải về nước.

Khi về nước, ông được dạy học tại Trường Bảo-hộ; năm sau ông dạy Trường Hậu-bổ (Trường Sĩ-hoạn); năm 1919, Trường bị bãi bỏ, ông được bổ đi dạy Trường Sư-phạm; năm 1921, ông làm thanh-tra các trường tiểu-học Bắc-kỳ. Trong thời gian giữa năm 1924 và 1926, ông được cử vào hội-đồng soạn thảo sách giáo khoa tiểu-học. Năm 1931, ông dạy Trường Sư-phạm Thực-hành (Hàng Than); năm 1933 ông làm giám-đốc các trường nam tiểu-học ở Hà-Nội, và về hưu năm 1942.

Ngoài ra, ông còn tham gia các hoạt động xã hội và chính trị: phó trưởng-ban văn-học của Hội Khai-trí Tiến-đức, nghị-viên Viện Dân-biểu Bắc-kỳ, trưởng-ban nghiên-cứu Phật-học của Hội Bắc-kỳ Phật-giáo (1934). Năm 1945, ông được vua Bảo Đại mời ra thành lập nội-các của Việt-Nam Đế-quốc.

Từ năm 1934, sau khi hội Phật-giáo Bắc-kỳ thành lập, ông đã từng nhiều lần thuyết trình về đạo Phật tại Hội. Ba bài diễn thuyết của ông đã được in thành tập sách *Phật-giáo*.

Quyển *Phật-giáo* của Trần Trọng Kim gồm có ba bài diễn văn sau đây:

1. *Phật-giáo đối với cuộc nhân-sinh.*
2. *Thuyết Thập-nhị Nhân-duyên.*
3. *Phật-giáo tiểu-thừa và đại-thừa.*

*Phật-giáo đối với cuộc nhân-sinh.* Tác giả chia bài diễn văn làm bốn đoạn: đoạn đầu tiên tác giả nói lý do tại sao lập ra Hội Phật-giáo (nhờ đó mà có buổi diễn thuyết này), đoạn thứ nhì

nói về lịch sử Phật-tổ Thích-ca, đoạn thứ ba nói về những điều cốt yếu trong Phật-pháp, đoạn thứ tư nói về nhận xét của tác giả về đạo Phật đối với cuộc nhân-sinh là thế nào.

Về lý do tại sao lập ra Hội Phật-giáo, tác giả cho rằng: Ở Việt-Nam, có hai đạo phổ thông nhất là đạo Nho và đạo Phật. Đạo Nho thì chú trọng việc xử-thế và ít nói đến việc sống chết, còn đạo Phật thì chú trọng việc xuất-thế và hay nói về sự sống chết. Từ xưa đến nay, rất nhiều người Việt tin theo đạo Phật nhưng ít người hiểu đến ý nghĩa sâu xa trong đạo lý của đạo Phật. Vì đạo Phật có ảnh hưởng lớn đến tinh thần người Việt cho nên người Việt cần hiểu rõ nghĩa đạo để biết cách sống làm sao cho hợp với đạo, bớt những sự khổ não trên đời.

Ông nói: “[...] ngày nay nói đến đạo Phật, phần nhiều người vẫn tưởng là theo đạo Phật chỉ cần những ngày rằm, mồng một nhớ ăn chay và đến chùa lễ Phật mà thôi, ngoài ra không mấy người hiểu đến cội nguồn đạo Phật là thế nào, không biết đạo lý sâu nông ra sao, thậm chí có kẻ ngày ngày miệng niệm Phật, tay lần tràng hạt, mà bao nhiêu hành động đều trái hẳn với đạo Phật.”

Đó là lý do chính của sự thành lập Hội Phật-giáo giúp cho người đời hiểu rõ đạo Phật hơn.

Về lịch sử Phật-tổ Thích-ca thì tác giả kể lại từ khi ngài sinh ra đời, cho đến khi ngài đắc đạo, thuyết pháp về *Tứ-thánh-đế* cho năm vị sa-môn.

Về những điều cốt yếu trong Phật-pháp, tác giả nói về *Tứ-thánh-đế* và *Thập-nhị nhân-duyên*. Ông cũng nói về ba thứ nghiệp: *thân-nghiệp*, *khẩu-nghiệp* và *ý-nghiệp*. Ông cho rằng theo Phật, phương pháp để đi đến chỗ giải thoát ra khỏi mọi sự đau khổ là thực hành *ngũ-giới* và *lục-độ*. Sự thực hành này bao gồm cả hai phạm vi hướng-nội và hướng-ngoại.

Ông giải thích ý nghĩa hướng-nội và hướng-ngoại như sau: - “Hướng-nội là chú-trọng vào sự tự mình ngăn phòng những điều xấu ác, gây tổn-hại cho mình và cho người khác; hướng-ngoại là chú-trọng vào sự thực-hành, làm những điều từ-thiện, ích-lợi cho mình và cho người khác.”

Để giúp cho việc thực hành những điều hướng-nội thì có *ngũ-giới*: bắt sát, bắt đạo, bắt tà-dâm, bắt vọng-ngữ, bắt ẩm-tửu.

\*bắt sát: không giết hại, để cho mọi sinh vật được sống trọn cái kiếp của nó.

\*bắt đạo: không trộm cướp, không lấy của cải của người khác.

\*bắt tà-dâm: không gian dâm, chỉ quan hệ chính đáng với vợ hay chồng của mình.

\*bắt vọng-ngữ: không nói dối, không bịa đặt, không vu oan giá họa cho ai.

\*bắt ẩm-tửu: không uống rượu vì uống rượu rồi say sưa, không giữ được tinh thần sáng suốt, gây ra nhiều điều tai hại.

Muốn tích lũy công-đức hay hướng-ngoại thì phải thực hành tích cực *lục-độ* là sáu phép để ra khỏi bến mê: bố-thí, gồm có tài-thí và pháp-thí; trì-giới; nhẫn-nhục, có sinh-nhẫn và pháp-nhẫn; tinh-tấn, có thân tinh-tấn và tâm tinh-tấn; thiền-định; bát-nhã.

\*bố-thí: trong bố-thí có tài-thí và pháp-thí. Tài-thí là đem tiền của cơm gạo mà giúp người lúc đói khổ. Sự bố-thí này tùy theo sức của mình miễn là bỏ được lòng tham của mình mà chia sẻ với người khác và để giúp cho người khác được vui vẻ. Pháp-thí là đem tài-trí của mình thuyết-phục người khác làm điều lành, điều phải, hoặc lấy lòng thanh-tịnh ngay-chính của mình

mà mở rộng con đường trí-tuệ cho người khác. Người làm việc pháp-thí không phải vì muốn khoe khoang, cầu danh lợi mà làm vì lòng từ-bi bác-ái.

\*trì-giới: giữ vững các điều răn để ngăn những việc ác gây ra do thân, miệng, ý của mình.

\*nhẫn-nhục là cách để đối phó với sự tức giận nóng nảy. Sinh-nhẫn là sự nhẫn-nhục ở đời, không trề nải lười biếng, không vì tức giận mà chửi mắng, đánh đập, thù oán người khác. Pháp-nhẫn là khi có điều lo buồn trong tâm-trí, không lấy làm oán giận mà kiên nhẫn chịu đựng.

\*tinh-tấn: nỗ-lực, cố-gắng làm điều lành điều phải. Thân tinh-tấn là lấy thân mình chịu đựng khó nhọc để làm điều thiện. Tâm tinh-tấn là giữ cho lòng làm điều thiện dù lâu cũng không chán nản, dù khó cũng không nản chí.

\*thiền-định: chú tâm vào việc tĩnh-tâm tu-tập, không chạy đuổi theo việc khác.

\*bát-nhã: trí-tuệ, soi rõ hết thấy trong thế gian và thông đạt mọi lẽ.

Nói về ảnh hưởng của đạo Phật trong cuộc sống thì Lệ-Thần tiên-sinh viết như sau:

“Đối với toàn thể cuộc nhân-sinh, đạo Phật lại có cái thần-lực rất linh-diệu là làm cho người ta vui được bao nhiêu những nỗi khổ-não ở trong lòng. Là vì người ta sinh ra ở đời, lẽ tất-nhiên là phải vật-lộn với đời, mà đã vật-lộn với đời là tất phải mắc vào vòng tình-dục, nó làm cho ta hôn-mê đi, tưởng danh là thật danh, lợi là thật lợi. Ngờ đâu danh với lợi ở đời đều là những cái ảo-ảnh làm mờ nhòa ta vào đồng lửa hồng mà hun đốt ta mãi. Nhờ có đạo Phật làm cho ta tỉnh ra, thấy rõ cái thật, cái giả, thì dù ta có hăng-hái mà làm việc đời để trả nợ đời, ta cũng không say-đắm ở những sự hư-vọng nó ràng-buộc ta, mà lúc nào ta cũng ung-dung tự-do để điều-khiển cái tâm-thần của ta và trừ bỏ hết thấy những điều phiền-não.

Bởi thế, người nào đã đạt được đạo-lý của nhà Phật thì bao giờ cũng thản-nhiên, không cho việc đời là chán-nản, không lấy sự đắc-thất làm lo buồn, không bị cái lửa tình-dục nó hun đốt được. Ta vui lòng làm điều lành, điều phải là ta biết có chư Phật soi tỏ cái tâm-ý của ta, và vẫn ở bên cạnh ta để nâng- đỡ, cứu giúp ta và chứng-minh cái lòng thành-thật của ta. Nhờ có thần-lực ấy của Phật, cho nên ta có cái sức mạnh để làm việc giúp đời mà không vương-viu với tình-dục.

Đạo Phật mà hiểu đúng như thế thì thật là một đạo rất ung-dung thư-thái, mà vẫn có cái tiềm-lực rất mạnh và rất hay. Một tôn-giáo mà có những đức-tính như thế, thật đáng quý lắm vậy.”

Để kết luận bài diễn văn đọc ở Hội Phật-giáo Bắc-kỳ, Lệ-Thần tóm lược về đạo Phật như sau: “Người ta ở đời chỉ có hai con đường là *mê* với *ngộ*. *Mê* rồi thì mỗi ngày một tối-tăm lại, *ngộ* rồi thì càng ngày càng sáng-tỏ ra. Đạo Phật nói tóm lại chỉ có mấy lời: mục đích là *chuyển mê khai ngộ*.

*Chuyển mê* là làm cho người ta thoát khỏi cái mê-tình trong *tam-giới*, *khai ngộ* là chuyển mở cái tâm-nhãn đại-ngộ để được có đại bồ-đề và được chứng đại nát-bàn. Phương-pháp là: “Bao nhiêu điều ác thì không làm, bao nhiêu điều thiện thì phải làm hết; tự mình phải giữ cái tâm-ý của mình cho ngay chính trong sạch. Ấy là lời dạy của chư Phật.”